

Chợ Mới, ngày 25 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy chế công tác học sinh trong
đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Chợ Mới;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Chợ Mới vào Trường Trung cấp nghề Chợ Mới. Trong đó có nội dung ở Điều 1: đổi tên Trường Trung cấp Chợ Mới thành trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số: 35/QĐ-TC.KT-CN, ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang về việc phê duyệt Quy chế tổ chức, hoạt động Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo - Công tác học sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy chế công tác học sinh trong đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp kể từ năm học 2019-2020 (*Kèm theo quy chế Công tác học sinh trong đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Khoa Giáo dục nghề nghiệp, Phòng Đào tạo - Công tác học sinh, giáo viên chủ nhiệm các lớp trung cấp và các học sinh trình độ trung cấp chịu trách nhiệm thi hành Quy định này kể từ năm học 2019-2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Lao động - TBXH;
- Lưu: VT, P, ĐT-CTHS.



Ngô Hữu Lẽ

QUY CHẾ

Công tác học sinh trong đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp
(*Ban hành kèm theo Quyết định số: 395/QĐ-TC.KTCN ngày 25/10/2019
của Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang*)

Căn cứ Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về điều lệ trường trung cấp;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Công tác học sinh;

Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang ban hành quy chế công tác học sinh trong đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về công tác học sinh đối với các chương trình đào tạo hệ trung cấp của Trường trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Học sinh quy định tại Quy chế này là người đang học các chương trình đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy của Trường.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA HỌC SINH

Điều 3. Nhiệm vụ của học sinh

1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế và quy định của Nhà trường.

2. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch đào tạo của Nhà trường; chủ động, tích cực học tập, nghiên cứu, sáng tạo.

3. Tích cực rèn luyện đạo đức và phong cách, lối sống; tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên và các học sinh khác trong Nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập và rèn luyện; thực hiện nếp sống văn hóa trong trường học.

4. Tham gia lao động công ích, hoạt động xã hội vì cộng đồng, phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của Nhà trường và các hoạt động khác của học sinh.

5. Tham gia phòng, chống tiêu cực, các biểu hiện và hành vi gian lận trong học tập, thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập; kịp thời báo cáo với khoa, phòng, Hiệu

trưởng Nhà trường khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế của Nhà trường.

6. Tham gia các hoạt động bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

7. Có ý thức bảo vệ tài sản của Nhà trường.

8. Đóng học phí (nếu có) và bảo hiểm y tế theo quy định.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Nhà trường.

Điều 4. Quyền của học sinh

1. Được nhập học theo đúng ngành, nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của Nhà trường.

2. Được nghe phổ biến về chế độ, chính sách của Nhà nước đối với học sinh trong quá trình tham gia các chương trình giáo dục nghề nghiệp.

3. Được học hai chương trình đồng thời, chuyển trường, học lên trình độ đào tạo cao hơn theo quy định của pháp luật; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

4. Tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các hoạt động xã hội có liên quan đến học sinh trong và ngoài Nhà trường theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia kỳ thi tay nghề các cấp, hội thi văn hóa, hội diễn văn nghệ, hội thao và các cuộc thi tài năng, sáng tạo khoa học, kỹ thuật khác phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

6. Được tham gia lao động, làm việc theo quy định của pháp luật khi đi thực tập tại doanh nghiệp trong khuôn khổ quy định của chương trình đào tạo và các thỏa thuận của Nhà trường và doanh nghiệp.

7. Được tham gia góp ý kiến các hoạt động đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong Nhà trường; được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị các giải pháp nhằm góp phần xây dựng và phát triển Nhà trường; được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng để giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

8. Được cấp bằng tốt nghiệp, bảng điểm học tập và rèn luyện và các giấy tờ khác liên quan; được giải quyết các thủ tục hành chính khi đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

9. Được chăm sóc sức khỏe trong quá trình học tập theo quy định.

10. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật và Nhà trường.

11. Được vay vốn hỗ trợ chi phí học tập, được cấp xét học bổng, khuyến học ... theo quy định.

Điều 5. Những việc học sinh không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, uy tín, xâm phạm thân thể đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và học sinh khác trong trường.

2. Gian lận trong học tập, thi, kiểm tra và làm giả hồ sơ để hưởng các chính sách đối với học sinh.

3. Tự ý nghỉ học, nghỉ thực tập, thực hành khi chưa được sự đồng ý của Nhà trường.

4. Có hơi rượu, bia khi đến lớp.

5. Gây rối an ninh, trật tự trong trường và nơi công cộng.

6. Cố ý vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn giao thông.

7. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

8. Sản xuất, mua bán, vận chuyển, phát tán, sử dụng, tàng trữ hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, ma túy, chất gây nghiện và các loại chất cấm khác, các tài liệu, án phẩm có nội dung chứa thông tin phản động, đòi truy đi ngay với truyền thông, bản sắc văn hóa dân tộc và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia hoạt động, truyền bá mê tín dị đoan và các hành vi vi phạm khác trong trường.

9. Đăng tải, bình luận, chia sẻ các bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, đòi truy, bạo lực, phản động, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.

10. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động trái pháp luật khác.

Chương III

NỘI DUNG CÔNG TÁC HỌC SINH VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 6. Nội dung công tác học sinh

1. Tổ chức hoạt động giáo dục, tuyên truyền

a) Giáo dục chính trị tư tưởng: Giáo dục, tuyên truyền để học sinh nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng; có lý tưởng, tri thức pháp luật và bản lĩnh chính trị vững vàng;

b) Giáo dục đạo đức, lối sống: Giáo dục, tuyên truyền cho học sinh về những giá trị, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, chuẩn mực đạo đức chung của xã hội, đạo đức nghề nghiệp; lối sống lành mạnh, văn minh phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc; ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể, cộng đồng;

c) Giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật: Nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật; sống, học tập và rèn luyện theo pháp luật;

d) Tạo điều kiện, giúp đỡ học sinh phấn đấu, rèn luyện để được đứng trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam và tham gia các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường;

đ) Giáo dục thể chất: Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ và bồi dưỡng các kỹ năng chăm sóc sức khỏe gia đình và cộng đồng.

2. Công tác quản lý học sinh

a) Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định;

b) Thống kê, tổng hợp dữ liệu; quản lý, lưu trữ hồ sơ và giải quyết các công việc hành chính liên quan đến học sinh;

c) Theo dõi, đánh giá ý thức học tập, kết quả rèn luyện của học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, tạo điều kiện cho học sinh tham gia hoạt động nghiên

cứu khoa học; tham dự kỳ thi tay nghề các cấp, hội thi văn hóa, hội diễn văn nghệ, hội thao; giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của học sinh; thường trực công tác khen thưởng và kỷ luật học sinh;

d) Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tệ nạn xã hội trong học sinh; phối hợp với công an và chính quyền địa phương để thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, giải quyết các vụ việc liên quan đến học sinh trong và ngoài Nhà trường;

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và giải quyết các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến học sinh;

e) Quản lý học sinh nội trú, ngoại trú: Xét, tiếp nhận, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý học sinh ở nội trú; phối hợp với cơ quan công an và chính quyền địa phương trong việc quản lý học sinh ở ngoại trú.

3. Tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm học và cuối khóa cho học sinh. Định kỳ hằng năm tổ chức đối thoại giữa học sinh và Ban Giám hiệu Nhà trường.

4. Công tác hỗ trợ và dịch vụ đối với học sinh

a) Tư vấn cho học sinh xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với mục tiêu, năng lực, sức khỏe;

b) Triển khai dịch vụ công tác xã hội trong Nhà trường; tạo điều kiện giúp đỡ học sinh là người khuyết tật, người thuộc diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh thuộc nhóm đối tượng cần sự hỗ trợ;

c) Giáo dục kỹ năng mềm, kiến thức khởi nghiệp; bồi dưỡng kiến thức về sức khỏe sinh sản và các kiến thức, kỹ năng bổ trợ cần thiết khác cho học sinh;

d) Thông tin, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh;

đ) Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng người lao động nhằm tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh phù hợp với yêu cầu thực tiễn;

e) Tổ chức thực hiện công tác y tế trường học theo quy định.

5. Thực hiện công tác báo cáo, thống kê về học sinh, thực trạng việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ban giám hiệu và cơ quan quản lý.

Điều 7. Tổ chức, quản lý công tác học sinh

Phòng Đào tạo - Công tác học sinh có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ công tác học sinh theo quy định tại Điều 6, chương II của Quy chế này.

Điều 8. Về Lớp học

1. Lớp học được tổ chức bao gồm những học sinh cùng nghề, khóa học và được duy trì ổn định trong cả khóa học.

2. Ban cán sự lớp

Ban cán sự lớp học gồm: lớp trưởng và các lớp phó, do tập thể học sinh trong lớp bầu; được GVCN lớp học công nhận. Nhiệm kỳ của ban cán sự lớp theo khoá học.

3. Nhiệm vụ của ban cán sự lớp

- a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động sinh hoạt, đời sống và các hoạt động xã hội theo kế hoạch của trường;
- b) Đôn đốc các thành viên trong lớp chấp hành nghiêm chỉnh Nội quy, Quy chế đào tạo, quy chế công tác học sinh. Xây dựng nề nếp tự quản trong lớp;
- c) Tổ chức, động viên giúp đỡ những học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Thay mặt cho học sinh của lớp liên hệ với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn của lớp; đề nghị với giáo viên chủ nhiệm, phòng Đào tạo - Công tác học sinh giải quyết những vấn đề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của học sinh trong lớp;
- d) Báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình học tập, rèn luyện theo học kỳ, năm học, khóa học và những việc đột xuất của lớp với giáo viên chủ nhiệm.

4. Quyền lợi của Ban cán sự lớp

Được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của trường.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH

Điều 9. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

- 1. Đảm bảo khách quan, công khai, chính xác.
- 2. Đảm bảo quyền bình đẳng, dân chủ của học sinh.
- 3. Đảm bảo đánh giá đầy đủ các nội dung, tiêu chí và quy trình thực hiện.
- 4. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, bộ phận liên quan trong nhà trường.

Điều 10. Nội dung và thang điểm đánh giá

Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh là đánh giá về ý thức, thái độ và kết quả học tập của học sinh. Điểm đánh giá tính theo thang điểm 100. Cụ thể nội dung đánh giá và khung điểm như sau:

- 1. Ý thức, thái độ và kết quả học tập: Tối đa 30 điểm.
- 2. Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường: Tối đa 25 điểm.
- 3. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội: Tối đa 25 điểm.
- 4. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của Nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng: Tối đa 20 điểm.

Điều 11. Tiêu chí trong các nội dung đánh giá

- 1. Tiêu chí về ý thức, thái độ và kết quả học tập
 - a) Ý thức và thái độ trong học tập;
 - b) Ý thức và thái độ tham gia các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
 - c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
 - d) Tình thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;

d) Kết quả học tập.

2. Tiêu chí đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường

a) Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân, các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong Nhà trường;

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác của Nhà trường.

3. Tiêu chí đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bạo lực học đường

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. Học sinh là người khuyết tật, được đánh giá ý thức tham gia các hoạt động tùy theo tình trạng sức khỏe phù hợp, đảm bảo sự công bằng trong từng trường hợp cụ thể;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

4. Tiêu chí đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín, kỹ năng tổ chức và hiệu quả công việc của học sinh được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác của học sinh trong Nhà trường;

b) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa và Nhà trường;

c) Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi, sáng kiến cải tiến kỹ thuật được Nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng (bằng khen, giấy khen...).

5. Hiệu trưởng căn cứ đặc điểm, điều kiện cụ thể để quy định chi tiết điểm đánh giá cho từng tiêu chí trong mỗi nội dung theo khung điểm quy định tại Điều 9 của Quy chế.

Điều 12. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện của học sinh được phân thành 05 loại: Xuất sắc; Tốt; Khá; Trung bình và Yếu. Cụ thể như sau:

a) Loại xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm;

b) Loại tốt: Từ 80 đến dưới 90 điểm;

c) Loại khá: Từ 70 đến dưới 80 điểm;

d) Loại trung bình: Từ 50 đến dưới 70 điểm;

đ) Loại yếu: Dưới 50 điểm.

2. Phân loại để đánh giá:

- Trong thời gian học sinh bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá;

- Trong thời gian học sinh bị kỷ luật mức cảnh cáo. Khi đánh giá kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình;
- Học sinh bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ;
- Học sinh bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện;
- Những học sinh hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện;
- Học sinh khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể;
- Học sinh nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định;

Điều 13. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh

1. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh. Hội đồng gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng: Là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;
 - b) Thường trực Hội đồng: Là trưởng đơn vị phụ trách Đào tạo - công tác học sinh;
 - c) Các ủy viên: Đại diện lãnh đạo các khoa, phòng, ban liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
2. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện
 - a) Đến thời điểm đánh giá theo quy định, học sinh căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do Nhà trường quy định;
 - b) Giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp lớp để xem xét, đánh giá, thông qua mức điểm tự đánh giá của từng học sinh trên cơ sở kết quả rèn luyện thực tế và phải được quá 1/2 ý kiến đồng ý của tập thể lớp. Kết quả cuộc họp đánh giá của lớp phải được ghi biên bản, có chữ ký của giáo viên chủ nhiệm (người chủ trì) và thư ký cuộc họp (do cuộc họp đề xuất);
 - c) Trưởng khoa căn cứ biên bản đề nghị của lớp, xem xét, đánh giá và báo cáo Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh;
 - d) Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh xem xét, thống nhất, trình Hiệu trưởng;
 - d) Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả rèn luyện của học.
3. Kết quả rèn luyện của học sinh phải được thông báo cho học sinh ít nhất 20 ngày trước khi ban hành quyết định và phải được công khai trong toàn Trường.

Điều 14. Thời gian đánh giá và cách tính điểm

1. Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học sinh trong kỳ học là tổng số điểm đạt được theo các tiêu chí, nội dung đánh giá quy định. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các kỳ học trong năm học đó. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của các năm học.

3. Học sinh có thời gian nghỉ học tạm thời, khi tiếp tục theo học thì không thực hiện đánh giá trong thời gian nghỉ học.

Điều 15. Sử dụng kết quả đánh giá rèn luyện của học sinh

1. Kết quả rèn luyện toàn khóa học của học sinh được lưu trong hồ sơ quản lý tại Trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện khi kết thúc khóa học.

2. Kết quả rèn luyện được sử dụng để xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi của học sinh.

3. Kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

Điều 16. Quyền khiếu nại của học sinh về kết quả đánh giá rèn luyện

1. Học sinh có quyền khiếu nại lên các phòng Công tác học sinh, khoa hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, Trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự khiếu nại, giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HỌC SINH

Điều 17. Nội dung, hình thức khen thưởng học sinh

1. Khen thưởng đột xuất đối với cá nhân và tập thể lớp học sinh có thành tích xứng đáng cần được biểu dương, khen thưởng kịp thời theo các nội dung, mức khen thưởng do Hiệu trưởng quy định. Cụ thể:

a) Đoạt giải trong kỳ thi tay nghề các cấp; thi văn hóa, văn nghệ, thể thao và các cuộc thi tài năng khác; có sáng kiến trong học tập, lao động; có công trình nghiên cứu khoa học có giá trị;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn thanh niên, đoàn thể của học sinh, hoạt động thanh niên xung kích, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; dũng cảm cứu người bị nạn; chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

2. Khen thưởng định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp học sinh được tiến hành vào cuối năm học, khóa học. Cụ thể:

a) Khen thưởng định kỳ đối với cá nhân theo 03 danh hiệu: Khá, Giỏi, Xuất sắc. Tiêu chuẩn xếp loại danh hiệu học sinh Khá đối với trường hợp xếp loại học tập và rèn

luyện từ khá trở lên; danh hiệu học sinh Giới đối với trường hợp xếp loại học tập từ giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ tốt trở lên; danh hiệu học sinh Xuất sắc đối với trường hợp xếp loại học tập và rèn luyện xuất sắc;

b) Khen thưởng định kỳ đối với tập thể lớp học sinh theo 02 danh hiệu: Lớp học sinh Tiên tiến và Lớp học sinh Xuất sắc.

Lớp học sinh Tiên tiến, nếu đạt các tiêu chuẩn sau: Có từ 25% học sinh đạt danh hiệu học sinh Khá trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu học sinh Giới trở lên, không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém hoặc bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên; tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong trường .

Lớp học sinh Xuất sắc nếu đạt các tiêu chuẩn danh hiệu Lớp học sinh Tiên tiến và có từ 10% học sinh đạt danh hiệu học sinh Giới trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu học sinh Xuất sắc.

c) Việc đánh giá, xếp loại học tập của học sinh được thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với môn học, mô đun nào chưa kết thúc ở thời điểm đánh giá thì lấy điểm tổng hợp kết quả kiểm tra thường xuyên, định kỳ của môn học, mô đun đó làm căn cứ để đánh giá, xếp loại. Không xét khen thưởng đối với học sinh bị kỷ luật hoặc có điểm thi kết thúc môn học, mô đun trong năm học đó dưới điểm trung bình.

Điều 18. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng học sinh

1. Đầu kỳ học hoặc năm học, Trường tổ chức cho học sinh và các lớp đăng ký danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể lớp.

2. Thủ tục xét khen thưởng

a) Đến kỳ xét khen thưởng, các lớp lập danh sách kèm theo bản thành tích của tập thể lớp học sinh và thành tích cá nhân đạt được trong học tập, rèn luyện, có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm, đề nghị khoa;

b) Khoa họp, xét, đề xuất danh hiệu đối với tập thể lớp và cá nhân học sinh có thành tích để báo cáo Hội đồng khen thưởng, kỷ luật học sinh của Trường;

c) Căn cứ đề nghị của Khoa, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật học sinh tổ chức họp, xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với cá nhân và tập thể lớp học sinh.

3. Quyết định công nhận danh hiệu cá nhân của học sinh phải được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh.

Điều 19. Hình thức kỷ luật đối với học sinh

1. Học sinh có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi để xem xét phê bình hoặc áp dụng một trong 04 hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Đối với học sinh có hành vi vi phạm lần đầu và mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: Đối với học sinh đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: Đối với học sinh đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi học sinh không được làm;

d) Buộc thôi học: Đối với học sinh đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm rất nghiêm trọng hoặc có hành vi phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự.

2. Hiệu trưởng quy định chi tiết về hành vi vi phạm để áp dụng theo từng hình thức kỷ luật quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật học sinh

1. Trình tự, thủ tục xét kỷ luật:

a) Học sinh mắc khuyết điểm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật;

b) Chủ nhiệm lớp chủ trì họp với tập thể lớp học sinh để phân tích và xem xét, đề nghị hình thức kỷ luật gửi lên khoa;

c) Khoa họp, xem xét, kiến nghị hình thức kỷ luật và đề nghị Hội đồng khen thưởng và kỷ luật học sinh của Trường;

d) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật học sinh tổ chức họp xét, đề xuất hình thức kỷ luật và trình Hiệu trưởng;

d) Thành phần dự họp xét kỷ luật học sinh của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật học sinh ngoài các thành viên của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật học sinh, sinh viên và giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh vi phạm, còn có đại diện tập thể lớp có học sinh vi phạm và học sinh có hành vi vi phạm (các thành phần này được tham gia phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết). Nếu học sinh vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến dự (nếu không có lý do chính đáng) thì Hội đồng khen thưởng và kỷ luật học sinh vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật. Kết quả họp Hội đồng phải được ghi biên bản và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định kỷ luật.

2. Hội đồng khen thưởng và kỷ luật học sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Thường trực Hội đồng: Là trưởng đơn vị phụ trách Đào tạo - công tác học sinh;

c) Các ủy viên: Là đại diện các khoa, phòng liên quan, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

3. Hồ sơ xử lý kỷ luật học sinh:

a) Bản tự kiểm điểm (trong trường hợp học sinh có khuyết điểm không chấp hành việc làm bản tự kiểm điểm thì trình tự xem xét kỷ luật vẫn được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ thu thập được);

b) Biên bản tập thể lớp họp kiểm điểm học sinh vi phạm;

c) Biên bản họp của khoa (bộ môn hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ) và đơn vị phụ trách công tác học sinh;

d) Các tài liệu có liên quan.

4. Quyết định kỷ luật của học sinh phải có điều khoản ghi rõ thời gian bị thi hành kỷ luật và phải được lưu vào hồ sơ quản lý học sinh. Trường hợp học sinh bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học, Trường cần gửi thông báo cho địa

phương, nơi học sinh có hộ khẩu thường trú và gia đình học sinh biết để quản lý, giáo dục.

Điều 21. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Sau thời hạn 03 tháng đối với trường hợp bị khiển trách, 06 tháng đối với trường hợp bị cảnh cáo kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực thi hành, nếu học sinh không có hành vi vi phạm kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực quyết định kỷ luật và được hưởng đầy đủ quyền lợi của học sinh theo quy định.

2. Đối với trường hợp đình chỉ học tập có thời hạn thì sau khi hết thời hạn đình chỉ, học sinh phải xuất trình chứng nhận của địa phương (xã, phường, thị trấn) nơi học sinh có hộ khẩu thường trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương (trong thời gian bị đình chỉ học tập) để Nhà trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp.

3. Đối với trường hợp bị kỷ luật buộc thôi học, nếu học sinh có nguyện vọng trở lại Trường để tiếp tục học tập thì phải sau ít nhất 01 năm, kể từ ngày bắt đầu kỷ luật mới được Trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp. Trong hồ sơ xin trở lại học, ngoài các giấy tờ theo quy định phải có chứng nhận của địa phương (xã, phường, thị trấn), nơi học sinh có hộ khẩu thường trú, về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương trong thời gian chấp hành kỷ luật.

Điều 22. Quyền khiếu nại về khen thưởng và kỷ luật

Cá nhân, tập thể lớp học sinh nếu xét thấy các hình thức khen thưởng và kỷ luật không thỏa đáng thì có quyền khiếu nại lên Hiệu trưởng. Trong trường hợp không đồng ý với kết quả giải quyết của Hiệu trưởng thì có quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC HỌC SINH CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 23. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá công tác học sinh phải bảo đảm khoa học, khách quan, công khai và phản ánh đúng thực trạng công tác học sinh của Trường.

2. Đánh giá, xếp loại công tác học sinh của Trường được tiến hành theo năm học; thời gian kỳ đánh giá được tính từ ngày *01 tháng 9 đến ngày 31 tháng 8* năm tiếp theo.

Điều 24. Tiêu chí đánh giá công tác học sinh và thang điểm

1. Đánh giá công tác học sinh của Trường được thực hiện theo 09 nhóm tiêu chí và tính theo thang điểm 100. Khung điểm cụ thể như sau:

- a) Nhóm tiêu chí 1: Hệ thống tổ chức, quản lý và công tác hành chính: 15 điểm;
- b) Nhóm tiêu chí 2: Công tác quản lý học sinh, sinh viên: 15 điểm;
- c) Nhóm tiêu chí 3: Công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm và các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ đối với học sinh, sinh viên: 10 điểm;
- d) Nhóm tiêu chí 4: Thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên: 10 điểm;
- đ) Nhóm tiêu chí 5: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, hoạt động thể thao ngoại khóa và các hoạt động phong trào trong học sinh, sinh viên: 15 điểm;

- e) Nhóm tiêu chí 6: Công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên: 10 điểm;
- g) Nhóm tiêu chí 7: Công tác y tế trường học: 10 điểm;
- h) Nhóm tiêu chí 8: Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học, giáo dục an toàn giao thông, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội: 10 điểm;
- i) Nhóm tiêu chí 9: Các nội dung khuyến khích đạt được: 05 điểm.

2. Nội dung cụ thể của từng nhóm tiêu chí và khung điểm đánh giá quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 25. Xếp loại công tác học sinh

1. Xếp loại công tác học sinh của Trường căn cứ vào tổng số điểm đạt được của toàn bộ các nội dung trong các nhóm tiêu chí đánh giá.
2. Công tác học sinh của Trường được xếp theo 05 loại:
 - a) Loại xuất sắc: Có tổng số điểm từ 90 điểm trở lên;
 - b) Loại tốt: Có tổng số điểm từ 80 đến dưới 90 điểm;
 - c) Loại khá: Có tổng số điểm từ 70 đến dưới 80 điểm;
 - d) Loại trung bình: Có tổng số điểm từ 50 đến dưới 70 điểm;
 - đ) Loại chưa đạt: Có tổng số điểm dưới 50 điểm.

Điều 26. Quy trình tự đánh giá, xếp loại công tác học sinh và thời gian thực hiện

1. Hiệu trưởng thành lập Ban đánh giá công tác học sinh do Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng làm Trưởng ban; Ủy viên thường trực là trưởng đơn vị phụ trách công tác học sinh; các Ủy viên khác là lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo một số khoa, phòng, ban liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Ban đánh giá công tác học sinh của trường tiến hành tự đánh giá, xếp loại công tác học sinh theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Quy chế này; tổng hợp kết quả, báo cáo trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Điều 27. Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại công tác học sinh

1. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác học sinh được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường Trung cấp Kỹ thuật - Công nghệ An Giang.
2. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác học sinh là căn cứ để trường đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, khen thưởng về công tác học sinh và sử dụng để tham khảo trong công tác kiểm định, đảm bảo chất lượng đào tạo của trường./.



PHỤ LỤC

NỘI DUNG VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

1. Tiêu chí về ý thức, thái độ và kết quả học tập:

1.1 Thang điểm cộng (Tối đa 30 điểm):

STT	NỘI DUNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM	ĐIỂM CỘNG
1	Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong học tập; Có thái độ tích cực trong giờ học, thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng bài, chuẩn bị bài tốt; Có tinh thần hợp tác với bạn bè trong học tập, học tác với giáo viên: chú ý lắng nghe và không làm việc riêng trong giờ học; Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;	15
2	Không vi phạm quy chế thi và kiểm tra kết thúc môn học, mô đun; Không có môn học, môđul nào trong học kỳ, năm học có điểm thi kết thúc môn học, môđul dưới điểm trung bình;	5
3	Cộng thêm điểm cho kết quả học tập: + Đạt loại Khá + Đạt loại Giỏi + Đạt loại Xuất sắc	2 3 5

1.2 Thang điểm trừ: Nếu học sinh vi phạm các lỗi trong mục sau sẽ bị trừ điểm nhưng không trừ quá 30 điểm.

STT	NHỮNG VI PHẠM BỊ TRỪ ĐIỂM	SỐ ĐIỂM/LẦN
1	Đi học trễ;	2
2	Tự ý bỏ học giữa giờ không lý do;	3
3	Nghỉ học có lý do;	0,5
4	Nghỉ học không lý do;	3
5	Không thuộc bài;	3
6	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, sử dụng ĐTDD	2
7	Bỏ thi kết thúc môn học, môđun hoặc bị cấm thi kết thúc môn học, môđun;	2
8	Bị xử lý kỷ luật trong các kỳ thi kết thúc môn, mô đun + Khiển trách;	2
	+ Cảnh cáo;	3
	+ Đình chỉ thi;	4

2. Tiêu chí đánh giá về ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của Nhà trường:

2.1. Thang điểm cộng (tối đa 25 điểm)

STT	NỘI DUNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM	ĐIỂM CỘNG
1	Thực hiện tốt các quy định của pháp luật và không vi phạm pháp luật;	5

	Thực hiện tốt các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường; quy định về nội trú, ngoại trú đối với học sinh và các quy định khác;	
2	Đóng đầy đủ, đúng thời hạn học phí (nếu có) và các khoản tiền khác theo quy định; Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên và các học sinh khác trong nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập và rèn luyện; Thực hiện tốt nếp sống văn hóa, trong nhà trường.	15
3	Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp	5

2.2. Thang điểm trừ: Nếu học sinh vi phạm các lỗi thuộc mục này sẽ bị trừ dần nhưng không quá 25 điểm.

STT	NHỮNG VI PHẠM BỊ TRỪ ĐIỂM	SỐ ĐIỂM/LẦN
1	Không thực hiện đồng phục theo quy định: (không đeo thẻ học sinh, mặc quần Jeans, áo thun, mang dép kẹp,...)	2
2	Có hành vi làm mất vệ sinh môi trường hoặc không thực hiện vệ sinh hàng ngày trong lớp, xuống thực hành.	2
3	Vi phạm nội quy mượn, trả sách thư viện bị nhắc nhở, phê bình;	2
4	Nghỉ không lí do các buổi lao động do khoa, nhà trường tổ chức;	2
5	BỎ sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp;	3
6	Vắng một buổi trong tuần sinh hoạt công dân học sinh;	3
7	Đóng học phí và các khoản khác không đúng hạn theo quy định;	5
8	Hút thuốc, say rượu bia khi đến lớp	5
9	Gây gỗ, tổ chức đánh nhau dưới mọi hình thức;	8
10	Vi phạm luật giao thông có thông báo của cơ quan công an gửi về trường;	5
11	Có hành vi, lời nói thiếu văn hóa trong cơ quan, trường học;	5
12	Có hành vi không trung thực (biết nhưng báo cáo sai sự thật, tung tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trong và ngoài nhà trường);	5
13	Có hành vi, lời nói vô lễ với cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường;	10
14	Lợi dụng công nghệ thông tin đăng tải, viết, tuyên truyền sai sự thật gây ảnh hưởng đến uy tín cán bộ, giảng viên và Nhà trường;	10

3. Tiêu chí đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bạo lực học đường:

3.1 Thang điểm cộng (tối đa 25 điểm)

STT	NỘI DUNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM	ĐIỂM CỘNG
1	Tham gia nhiệt tình, đầy đủ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của lớp, khoa, đoàn trường và nhà trường tổ chức;	10
2	- Tham gia tích cực các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội (Hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi, ra quân vệ sinh cảnh quan môi trường,...) - Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội như: ma túy, cờ bạc, lô đề, mại dâm,...	10

3	Tham gia các phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng.	5
---	--	---

3.2. Thang điểm trừ:

STT	NHỮNG VI PHẠM BỊ TRỪ ĐIỂM	SỐ ĐIỂM/ LẦN
1	Nghỉ không lý do, đi trễ hoặc bỏ về không lí do trong các buổi sinh hoạt, lễ, hội do nhà trường, khoa, đoàn thanh niên tổ chức;	5
2	Có hành vi hoặc lời nói lôi kéo bạn bè hoặc những học sinh khác không tham gia các hoạt động tập thể do lớp, đoàn thanh niên, khoa , nhà trường tổ chức;	5

4. Tiêu chí đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng:

4.1 Thang điểm cộng (tối đa 20 điểm):

STT	NỘI DUNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM	ĐIỂM CỘNG
1	Là lớp trưởng hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ được giao;	5
2	Là lớp phó hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ được giao;	3
3	Tổ trưởng, ủy viên ban chấp hành Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức trách và nhiệm vụ được giao;	2
4	Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, trong các cuộc thi tay nghề các cấp, hội thi văn hóa, hội diễn văn nghệ, thể thao, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng:	
	+ Tham gia và đạt giải trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường;	2
	+ Tham gia và đạt giải trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Sở;	3
	+ Tham gia và đạt giải trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ;	5

4.2 Thang điểm trừ:

STT	NHỮNG VI PHẠM BỊ TRỪ ĐIỂM	SỐ ĐIỂM/ LẦN
1	Là thành viên ban cán sự lớp, ủy viên ban chấp hành đoàn thanh niên nhưng không hoàn thành nhiệm vụ , không gương mẫu trước tập thể lớp.	5

Ghi chú:

- + Không cộng điểm vượt quá điểm tối đa cho phép của từng tiêu chí;
- + Những học sinh vi phạm sẽ bị trừ điểm trong tiêu chí tương ứng và trừ đến khi điểm của tiêu chí đó bằng 0 (không có điểm âm trong từng tiêu chí);
- + Học sinh vi phạm nhiều lần ở từng tiêu chí, nếu đã trừ hết số điểm của tiêu chí đó mà còn vi phạm thì tiếp tục trừ điểm trong nội dung đó, nếu trừ hết điểm của nội dung đó mà vẫn vi phạm thì sẽ trừ vào điểm tổng của 4 nội dung;